TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 22/2023/HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2023
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Học và bà Vũ Thị Bích.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 8, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Có mặt chị N, vắng mặt anh P).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Vũ Thị N trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 01/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới, chị về làm dâu nhà anh P và sinh sống cùng gia đình anh P được khoảng 30 ngày thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính, vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn là do trong cuộc sống, anh chị không có tiếng nói chung, anh P sống mất niềm tin với chị luôn nghi ngờ chị ngoại tình với người khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên tháng 4/2022 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay chị và anh P sống ly

thân. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả chị và anh P đều không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau và cũng không ai tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Bị đơn là anh Hoàng Văn P, trong quá trình giải quyết đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh P .

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của ông Hoàng Đăng V là bố đẻ của anh P. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2023, ông V trình bày. Ông xác nhận, ông là bố đẻ của anh Hoàng Văn P và là người trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh P. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo lại nội dung của từng văn bản mà ông nhận được của Tòa án cho anh P biết nhưng do anh P bận công việc nên không về Tòa án để làm việc theo yêu cầu của Tòa án được.

Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa chị N và anh P, ông Vinh thừa nhận đúng như lời trình bày trên của chị N. Do chị N và anh P sinh sống cùng với vợ chồng ông thời gian ngắn (khoảng 01 tháng) nên giữa chị N và anh P xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được. Sau khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh P cũng vào Miền Nam làm ăn, thỉnh thoảng có về nhà thăm ông bà. Ông khẳng định, anh P đã biết thông tin chị N xin ly hôn anh P tại Tòa án nhưng do anh P đang đi làm ăn xa, bận công việc không thể về Tòa án để giải quyết nên anh P có nói với ông về quan điểm của mình rằng nếu chị N xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Chị N và ông V đều xác định, chị N và anh P chưa có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Chị N xác định, vợ chồng không có gì nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nên Kiểm sát viên không có kiến nghị gì.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51; 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị N và cho chị N được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vũ Thị N là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với anh Hoàng Văn P là bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh P hiện đang có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do vậy căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Việc Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Anh Hoàng Văn P là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Chị N xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Căn cứ vào lời trình bày của chị N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, lời khai của ông V (là bố đẻ anh P); căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã H. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị N với anh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị N thì giữa chị và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do, trong cuộc sống hàng ngày anh chị sống không hạnh phúc luôn mất niềm tin đối với nhau dẫn đến

thiếu sự quan tâm chia sẻ. Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của anh P trình bày về mâu thuẫn vợ chồng nhưng qua lời trình bày của ông V là bố đẻ anh P và kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương thì thấy, vợ chồng chị N và anh P có xảy ra mâu thuẫn. Mức độ mâu thuẫn ra sao phải căn cứ vào việc, anh P biết rõ chị N xin ly hôn với mình nhưng không về Tòa án để trình bày quan điểm cũng như không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị N. Hiện tại, vợ chồng đang sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả anh P và chị N đều không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh P mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị N được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị N xác định, chị và anh P không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh P không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh P để biết được nguyện vọng của anh P. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị N phải chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

2/ Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001577 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận, chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã H;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh